

TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

(Chương XI, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, tập I)

Nguyễn Lang

DIỆN MỤC TUỆ TRUNG

Sách Hoàng Việt Văn Tuyển nói Tuệ Trung thượng sĩ là Hưng Ninh Vương Trần Quốc Tảng, con lớn của Trần Hưng Đạo. Sự thực thì tuy Tuệ Trung thượng sĩ có tước hiệu là Hưng Ninh Vương, nhưng ông không phải tên là Trần Quốc Tảng, cũng không phải là Trần Hưng Đạo, và tên ông là Trần Quốc Tung[1]. Trần Nhân Tông, người khảo đính sách Tuệ Trung thượng sĩ Ngữ Lục, trong bài Thượng Sĩ Hành Trạng in ở cuối sách [2] có nói rõ "Tuệ Trung thượng sĩ là con đầu của Khâm Minh Từ Thiện Đại Vương và là anh cả của Hoàng Thái Hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm. Khi Đại Vương mất, hoàng đế Trần Thái Tông cảm nghĩa phong cho thượng sĩ tước Hưng Ninh Vương".

Khâm Minh Từ Thiện Đại Vương là tước hiệu Trần Thái Tông ban cho anh ruột là Yên Sinh Vương Trần Liễu khi ông này mất. Đó là vào cuối năm 1251, cũng vào năm ấy Tuệ Trung thượng sĩ được 21 tuổi, và được phong tước Hưng Ninh Vương, Hoàng thái hậu Thiên Thánh Thiên Cảm là con thứ năm của Yên Sinh Vương Trần Liễu, tên là Thiệu, là vợ của vua Trần Thánh Tông. Trần Hưng Đạo có một người con gái là Trần Quốc Tảng, nhưng tước hiệu là Hưng Nhượng Vương, chứ không phải là Hưng Ninh Vương. Theo Trần Nhân Tông, Tuệ Trung là một con người có khí lượng thâm trầm, phong thần nhàn nhã. Từ lúc nhỏ, ông đã tỏ ra có phẩm chất cao sáng, thuần hậu, và yêu mến đạo Phật. Lớn lên, Tuệ Trung được cử trấn đất Hồng Lộ, tức là Hải Dương bây giờ. Ông có công hai lần trong việc ngăn giặc Bắc xâm lăng. Sau được thăng chuyển giữ chức tiết độ sứ trấn giữ hải đạo Thái Bình. Sau ông lui về ấp Tịnh Bang (nay là huyện Vĩnh Lại, làng Yên Quảng) và đổi tên là Vạn Niên, tự hiệu là Tuệ Trung. Tại thực ấp của ông, ông có dựng lên Dưỡng Chân Trang làm nơi tọa thiền và tu niệm.

Là anh vợ của vua Trần Nhân Tông, ông cũng là người bạn thân thiết của vua. Vua Thánh Tông ksy thác con là Trần Nhân Tông cho ông dạy dỗ. Ông được Thánh Tông xưng là sư huynh. Tháng hai năm 1278 hoàng hậu Thiên Cảm qua đời, vua Thánh Tông cúng chay ở trong cung, bảo con là Nhân Tông đi mời Tuệ Trung đến dự. Có mặt trong lễ khai đường là nhiều vị tôn túc, trưởng lão của thiền môn. Thánh Tông thỉnh mỗi vị làm một bài kệ ngắn để tỏ bày kiến giải về Phật pháp của mình. Trong lúc tư tưởng các vị còn như "nước đọng vũng bùn" chưa được khai thông thì vua mang giấy bút tới trước mặt Tuệ Trung. Ông viết liền bài kệ sau đây:

Viết kệ trình kiến giải

Như dụi mắt thấy quái

Dụi mắt thấy quái xong

Lại rờ ràng tự tại.

Vua Thánh Tông đọc xong phê tiếp như sau:

Rờ ràng và tự tại

Cũng một thứ thấy quái

Thấy quái mà không quái

Thì quái ấy tự hoại

Tuệ Trung đọc, rất bằng lòng. Thánh Tông rất khâm phục đạo học của Tuệ Trung, chính vua là người đầu tiên gọi ông là Thượng Sĩ [3]. Thượng Sĩ cũng có nghĩa tương đương với bồ tát. Hồi em gái Tuệ Trung hoàng hậu Thiên Cảm còn sống, một hôm ông bà mời vào cung

ăn tiệc. Trên bàn có những món mặn và món chay, ông đã gắp thức ăn một cách không phân biệt. Hoàng hậu hỏi: “Anh tu thiền mà ăn thịt cá thì làm sao mà thành Phật được?” Ông cười đáp: “Phật là Phật, anh là anh; anh không cần thành Phật. Phật không cần thành anh. Em chẳng nghe cổ đức nói “Văn Thù là Văn Thù, giải thoát là giải thoát “đó sao?” Vua Nhân Tông hỏi đó cũng có mặt trong bữa tiệc, và vua không quên câu chuyện này, định một ngày kia sẽ hỏi Tuệ Trung cho ra lẽ. Năm vua 29 tuổi, mẹ mất. Vua Thánh Tông đang bối rối về cái chết của Hoàng hậu lại còn bận tâm đối phó với một cuộc xâm lăng của quân Nguyên do Áo Lỗ Xích Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy, mới sai Nhân Tông đi đón Tuệ Trung, trước khi lên đường về cung, Tuệ Trung trao cho Nhân Tông, lúc ấy đã lên ngôi gần 9 năm, hai bộ ngữ lục Tuyết Đậu và Dã Hiên, để đem về cung học tập những lúc rỗi rảnh. Vua nhớ lại chuyện ăn thịt cá và tính cách “hòa lẫn thế tục” của Tuệ Trung, liền làm bộ ngâm thơ hỏi một cách gián tiếp:

“Bạch thượng sĩ, chúng sinh quen cái nghiệp ăn thịt uống rượu thì làm thế nào mà thoát khỏi tội báo?”

Tuệ Trung đã trả lời như sau về vấn đề tội báo:

“Nếu có người đang đứng xây lưng lại, thành linh vua đi qua sau lưng, người ấy không biết, cầm một vật gì ném nhằm vua. Thử hỏi: người ấy có sợ không, ông vua có giận không? Nên biết hai việc ấy không dính líu gì với nhau vậy.”

Rồi ông đọc hai bài kệ sau đây cho vua nghe:

*Vạn pháp vô thường cả
Tâm ngộ tội liền sinh
Xưa nay không một vật:
Chẳng hạt, chẳng mầm xanh.
Hàng ngày, khi đổi cảnh
Cảnh đều do tâm sinh
Tâm, cảnh đều không tịch
Khấp chốn tự viên thành [4].*

Nhân Tông thưa với Tuệ Trung rằng ông đã hiểu lời dạy về tội phúc. Nhưng Tuệ Trung biết là Nhân Tông còn thắc mắc. Ông đọc tiếp bài kệ sau đây:

*Có loài thì ăn cỏ
Có loài thì ăn thịt
Xuân về thảo mộc sinh
Tìm đâu thấy tội phúc? (60)*

Nhân Tông liền hỏi câu hỏi ông đã dành sẵn trong tâm tư lâu nay: “Như vậy thì công phu giữ giới trong sạch không chút xao lãng là để làm gì?” Tuệ Trung cười không đáp. Vua cố nài. Tuệ Trung đọc hai bài kệ sau đây:

*Trì giới và nhẫn nhục
Thêm tội chẳng được phúc
Muốn siêu việt tội phúc
Đừng trì giới, nhẫn nhục.
Như người khi leo cây
Đương yên tự chuốc nguy
Nếu đừng leo cây nữa
Trăng gió làm được gì? [5]*

Và dặn kỹ Nhân Tông “đừng bảo cho người không ra gì biết”. Ta nên nhớ rằng lúc bấy giờ Tuệ Trung đã 57 tuổi, và tư tưởng thiền của ông đã đến giai đoạn chín chắn siêu việt. Ông mất năm 62 tuổi, vào năm 1291.

Vua Nhân Tông một hôm hỏi về tông chỉ thiền phái của Tuệ Trung. Ý của Nhân Tông là muốn tìm hiểu bí quyết giác ngộ mà Tuệ Trung đã được thiền sư Tiêu Diêu trao truyền, Tuệ Trung nói:

“Hãy quay về tự thân mà tìm lấy tông chỉ ấy, không thể đạt được từ ai khác”.

Lời nói ấy khiến Nhân Tông thấy được ánh sáng của thiền đạo. Ngày thị tịch, Tuệ Trung không nằm trong phòng riêng mà cho kê giường nằm ở Dưỡng Chân Trang, giữa thiền

đường lớn. Ông nằm xuôi theo kiểu cát tường, mắt nhắm. Những người hầu hạ và thê thiếp khóc rống lên Ông mở mắt ngồi dậy, bảo lấy nước rửa tay súc miệng rồi quở nhẹ rằng: "Sống chết là lẽ thường nhiên, sao lại buồn thảm luyến tiếc để cho chân tính ta náo động?" Nói xong thì tịch một cách êm ái. Đó là vào ngày mồng một tháng tư năm Tân mao (1291).

HÒA QUANG ĐỒNG TRẦN

Vua Nhân Tông viết: " Thượng sĩ sống giữa lòng thế tục, hòa ánh sáng mình trong cuộc đời bụi bặm; trong mọi cuộc tiếp xúc thượng sĩ luôn luôn giữ thái độ hòa ái nên chưa bao giờ gặp phải những trường phiến nghịch. Do đó, ngài có thể làm tiếp nối được hạt giống chánh pháp, dìu dắt được những kẻ mới học. Ai đến tham cứu tìm học với ngài cũng được ngài chỉ dẫn sơ lược cho thấy phần cương yếu của đạo pháp khiến tâm họ có chỗ nương tựa. Thượng sĩ không bị ràng buộc bởi hình thức; khi thì ẩn tàng, khi thì lộ diện, ngài không chấp vào hình thức và danh từ".

Hòa quan đồng trần là danh từ của Lão Giáo mà giới Phật tử đã dùng để diễn tả thái độ dẫn thân và hòa mình của các vị bồ tát trong cuộc đời để phụng sự. Đối với một nhân cách như Tuệ Trung, những hình thức xuất gia và tại gia đã trở thành không quan trọng. Dù không được Tuệ Trung trao truyền y bát. Nhân Tông cũng nhận Tuệ Trung là bậc thầy đã khai sáng cho tâm linh mình. Dù không phải là một vị xuất gia, Tuệ Trung vẫn được gọi là "thầy" (sư) một cách cung kính trong sách Thượng Sĩ Ngữ Lục [6]

Đọc những đoạn đối thoại giữa Tuệ Trung và hoàng hậu Thiên Cảm với vua Nhân Tông về chuyện ăn chay, thành Phật và quả báo, ta thấy được ngay là những bề ngoài hình thức không còn quan trọng với ông nữa.

Nhưng Tuệ Trung không phải là vị "Thiền sư tại gia" đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam, Tuệ Trung là đệ tử của thiền sư Tiêu Diêu, mà thiền sư Tiêu Diêu lại là học trò đặc pháp với một vị thiền sư cư sĩ khác rất nổi tiếng ở kinh đô Thăng Long, đó là Ứng Thuận, ta thấy còn có quốc sư Nhất Tông, thiền sư Giới Ninh và thiền sư Giới Viên, mà uy thế tâm linh cũng ngang hàng với thiền sư Tiêu Diêu vậy.

Truyền thống hòa quang đồng trần có lẽ có thể tìm thấy từ thiền sư Thường Chiếu ở chùa Lục Tổ, người làm gạch nối giữa Phật Giáo ba-tông-phái đời Lý và Phật Giáo một-tông-phái đời Trần. Thường Chiếu đã truyền dạy cho các đệ tử mình nguyên tắc "tùy tục" nghĩa là làm giống như cuộc đời. Hồi Thường Chiếu sắp viên tịch, ông đã giảng dạy cho Thần Nghi về nguyên tắc này. Thần Nghi là đệ tử lớn của Thường Chiếu và là người có sở đắc tâm linh sâu sắc nhất trong số các đệ tử của Thường Chiếu. Ông tu phạm hạnh, giữ giới luật nghiêm minh. Nhưng không cạo đầu mà lại để tóc dài.

Nhân cách của Tuệ Trung ta có thể nhận ra được phần nào trong thái độ của ông đối với cuộc đời, và trong những lời nói và những câu thơ ghi lại trong sách Thượng Sĩ Ngữ Lục. Thiền sư Pháp Loa (1284 -1330) đã viết một bài kệ ngắn có tên sau đây có thể là nói lên được tính chất của con người Tuệ Trung:

Á!

Gang ròng nhồi lại

Sắt sống đúc thành

Thước trời, tất đất

Gió mát, trăng thanh

Ồ!

(Trúc Thiên dịch)

Á!

Thần cương đã tự

Sinh thiết chú thành

Xích thiên thốn địa

Nguyệt bạch phong thanh

Đốt!

Một thiền sư khác tên Pháp Cổ, đồng thời với Pháp Loa, đã làm bài kệ sau đây để nói về đạo nghiệp của Tuệ Trung:

Xưa quốc sư
Nay thượng sĩ
Một thể trượng phu mà hai vị
Dưới gió, Tỳ gia đứng thế cao
Một trái cà xưa nhà Bàn Uẩn
Khí giới tam huyền phá ngục tù
Trên mắt lông nheo ngừng tư tưởng
Mí mắt khép lấy núi Tu Di
Há miệng uống liền hết biển cả
Xâu ngọc ly dưới cằm Ninh Long
Liệng sợi tơ Sen trói mãnh hổ.
Pháp vương hay vương pháp, tùy cơ
Nắm tay cùng về quên bỉ thử
Khi nhân độc tấu đàn không giấy
Tình tang ca vũ rền thôn xóm
Tính tình tang
Tang tính tình
Đâu cần theo giốc, chùy, cung, thương
Thầy ta nổi khúc Ôn Như Cũ
Cách điệu phi thường hoa mỹ thêm
Tử Kỳ đi rồi, tri âm thiếu
Mênh mông trời nước cũ còn đâu
Người sau tiếp nổi húc hư truyền
Bắt chước như xưa sai lạc hết.

(Cổ quốc sư
Kim thượng sĩ
Nhất cá trượng phu phân bỉ thử
Tỳ gia tác giả lập hạ phong
Ngốc lão Bàn Công thậm gia tử
Tam huyền qua giáp phá lao quan
Trát thượng mi mao hươu nghĩ nghĩ
Nhấn bì cái khước Tu Di lô
Khẩu lý hoành thôn đại hải thủy
Ninh Long hàm hạ xuyên ly châu
Phóng xuất ngũ ti phước Hồ nhi
Pháp vương vương pháp nhậm hoành hành
Ba thủ đồng đồ vong nhữ nhĩ
Đăng nhàn hí lộng một huyền cầm
Xã vũ thôn ca thả ra rị
Rị ra ra
Ra rị rị
Bất thuộc cung thương giốc vũ chùy
Ngô sư thanh Ôn Như điệu
Cách tương thù thường hựu tăng mỹ
Tứ kỳ dĩ hỹ tri âm hy
Kỷ cá dương dương tị hồ nhĩ
Hậu nhân tiếp hưởng thừa kù hư
Nhận thức y tiền hoàn bất thị
Ý!)

Tùy tục hay không tùy tục, trộn lẫn với đời hay không trộn lẫn với đời, hành tung của Tuệ Trung chỉ có thể là hành tung của Tuệ Trung, chẳng ai có thể bắt chước mà trở nên Tuệ Trung được.

(còn tiếp)

[7] (63) Chữ nghi trong câu “Thế gian nghi vọng bất nghi chân” có lẽ vốn là chữ chép lầm.

[8] (64) Đồng tử đây là Thiện Tài Đồng Tử, nói đến trong kinh Hoa Nghiêm (phẩm Nhập Pháp Giới). Thiện Tài đến với Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và phát tâm tu học, sau đó đi dần về phương Nam tham vấn với 53 bậc thiện tri thức và nhờ đó mà chứng nhận được pháp giới, tức là pháp giới, tức là thế giới thực tại. Ở các thiền viện thường thấy tượng đức Quán Âm Bồ tát bên cạnh có một đồng tử chấp tay tham lễ: đó là cuộc tham vấn thứ 27 giữa Thiện Tài và Bồ Tát Quan Âm.